

NGHỊ QUYẾT

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 từ nguồn vốn ngân sách nhà nước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp, hàng hóa tập trung;

Căn cứ Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình Mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 từ nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc giao kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương năm 2023;

Xét Tờ trình số 381/TTr-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị ban hành nghị quyết về kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 từ nguồn ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra số 859/BC-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 huyện Phong Thổ như sau:

1. Tổng nguồn vốn: 207.063 triệu đồng, cụ thể:

1.1. Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện: 28.272 triệu đồng.

1.2. Nguồn vốn thu sử dụng đất và các nguồn vốn khác: 15.000 triệu đồng.

1.3. Nguồn vốn thực hiện Đề án Phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp, hàng hóa tập trung: 45.806 triệu đồng.

1.4. Nguồn vốn NSTW thực hiện 03 chương trình MTQG: 117.985 triệu đồng, cụ thể:

- Nguồn vốn NSTW thực hiện chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 3.244 triệu đồng.

- Nguồn vốn NSTW thực hiện chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 45.500 triệu đồng.

- Nguồn vốn NSTW thực hiện chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 69.241 triệu đồng.

2. Nguyên tắc phân bổ:

2.1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện các mục tiêu theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX. Thực hiện các mục tiêu và các định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2023.

- Thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghị quyết số 973/UBTVQH14 ngày 8/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 41/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Bố trí vốn đầu tư tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, tránh lãng phí, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư; đảm bảo sát thực tiễn, phù hợp với quy hoạch, đáp ứng yêu cầu phát triển. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Bố trí vốn hỗ trợ cho các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn; Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng các dự án phục vụ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành, các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025; các dự án hoàn thành trong kỳ kế hoạch.

- Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025 để tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn huyện.

- Đảm bảo công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2.2. Nguyên tắc, tiêu chí cụ thể phân bổ kế hoạch vốn đầu tư nguồn NSĐP năm 2023

Việc bố trí vốn ngân sách nhà nước năm 2023 phải đảm bảo nguyên tắc chung nêu trên và theo các nguyên tắc tiêu chí cụ thể sau:

- Ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2023 để phát huy hiệu quả đầu tư.
- Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023; ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành sớm các dự án có tính chất quan trọng, cần hoàn thành sớm để phát huy.
- Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

3. Phương án phân bổ:

Tổng kế hoạch vốn dự kiến là 275.738 triệu đồng, phân bổ chi tiết như sau:

3.1. Nguồn vốn cân đối Ngân sách huyện: Kế hoạch vốn dự kiến 27.372 triệu đồng, bố trí cho 19 dự án, trong đó:

Bố trí 14.750 triệu đồng cho 07 dự án khởi công năm 2021; bố trí 11.622 triệu đồng cho 11 dự án khởi công năm 2022; bố trí 1.000 triệu đồng cho 01 dự án thuộc chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (đối ứng).

Còn 900 triệu đồng phân bổ chi tiết sau.

3.2. Nguồn vốn thu sử dụng đất và các nguồn vốn khác: Kế hoạch vốn dự kiến 14.700 triệu đồng, bố trí cho 17 dự án, trong đó:

Bố trí 6.686 triệu đồng cho 07 dự án khởi công năm 2021; bố trí 8.014 triệu đồng cho 10 dự án khởi công năm 2022; (*một số dự án được lồng ghép với nguồn vốn cân đối Ngân sách huyện*);

Còn 300 triệu đồng phân bổ chi tiết sau.

3.3. Nguồn vốn thực hiện Đề án Phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp, hàng hóa tập trung: Kế hoạch vốn dự kiến 45.806 triệu đồng, bố trí cho 09 dự án, trong đó:

Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung: Bố trí 44.320 triệu đồng cho 05 dự án khởi công năm 2022 và 02 dự án khởi công mới năm 2023;

Đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030: Bố trí 1.486 triệu đồng cho 02 dự án khởi công năm 2022.

3.4. Nguồn vốn thực hiện 03 chương trình Mục tiêu quốc gia: Bố trí 117.985 triệu đồng, trong đó:

3.4.1. Nguồn vốn NSTW thực hiện chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

2.063 triệu đồng bố trí cho 01 dự án khởi công năm 2022 và 03 dự án khởi công năm 2023 (trên địa bàn 03 xã).

Còn 1.181 triệu đồng phân bổ chi tiết sau.

3.4.2. Nguồn vốn NSTW thực hiện chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 45.500 triệu đồng, trong đó:

Tiêu dự án 1 - Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo: 42.000 triệu đồng cho 20 dự án khởi công năm 2022.

Còn 3.500 triệu đồng phân bổ chi tiết sau.

3.4.3. Nguồn vốn NSTW thực hiện chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 69.241 triệu đồng để thực hiện các dự án, cụ thể:

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 2.814 triệu đồng

Còn 3.732 triệu đồng phân bổ chi tiết sau.

- Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: 10.438 triệu đồng, bố trí 7.239 triệu đồng cho 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023.

Còn 3.199 triệu đồng phân bổ chi tiết sau.

- Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị: 1.619 triệu đồng: Phân bổ chi tiết sau.

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 46.474 triệu đồng, trong đó:

Phân bổ 34.837 triệu đồng cho 13 danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023.

Còn 11.637 triệu đồng: Phân bổ chi tiết sau.

- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: 3.456 triệu đồng, trong đó:

Phân bổ 2.956 triệu đồng cho 04 danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023.

Còn 500 triệu đồng: Phân bổ chi tiết sau.

- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: 708 triệu đồng, trong đó:

Trả nợ 42 triệu đồng cho dự án hoàn thành năm 2021. Bố trí 666 triệu đồng cho 03 dự án khởi công mới năm 2023

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Uỷ ban nhân dân huyên tổ chức triển khai thực hiện.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyên giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyên khóa XXI, kỳ họp thứ mươi một thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT, HĐND, UBND tỉnh
- Sở Kế hoạch và Đầu tư
- Thường trực Huyện ủy
- Thường trực HĐND huyện
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ban Thường trực UBMTTQ VN huyên;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XXI;
- Các cơ quan, đoàn thể huyên;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Sùng A Nú



TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của HĐND huyện Phong Thô)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT theo QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế bố trí kế hoạch vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú				
									1	2	3	4
1	Tổng số								6	7	8	9
I	Nguồn cân đối ngân sách huyện	Huyện Phong Thô	2021-2025	146.750	37.507	28.272	Ban QLDA	Chi tiết tại Phụ lục số 02				
II	Nguồn thu sử dụng đất	Huyện Phong Thô	2021-2025		11.498	15.000	Ban QLDA	Chi tiết tại Phụ lục số 03				
III	Nguồn vốn thực hiện Đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa tập trung	Huyện Phong Thô	2022-2025	118.251	9.441	45.806	Ban QLDA	Chi tiết tại Phụ lục số 04				
III	Nguồn vốn thực hiện 03 chương trình MTQG	Huyện Phong Thô	2022-2025	348.003	123.270	117.985						
1	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	Huyện Phong Thô	2022-2025	5.768	804	3.244	Chi tiết tại Phụ lục số 04					
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	Huyện Phong Thô	2022-2025	173.873	71.570	45.500						
3	Chương trình MTQG phát triển Kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Huyện Phong Thô	2022-2025	168.362	50.896	69.241						



TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt			Lũy kế bỏ trích vốn			Kế hoạch vốn năm 2023		
			Thời gian KC-HT theo QĐ đầu tư	Số Quyết định phê duyệt (ngày tháng năm ban hành)	Tổng mức đầu tư	Trong đó			Tổng số	Tổng số	Trong đó
						Nguồn thu cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu sử dụng đất và tiền nguồn vốn hợp pháp khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
						146.750	132.587	98.289	37.298	49.005	37.507
						55.900	61.851	44.509	17.342	23.727	16.929
1	LĨNH VỰC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO VÀ ĐẦY NGHỀ					30.900	29.851	21.609	8.242	19.435	14.179
1	Các dự án khởi công năm 2021					xã Huổi Liuang	2021-2021	4488-07/12/2020	3.000	2.969	500
-	Nâng cấp nhà lớp học trường PTDTBT TH Huổi Liuang					xã Không Lao	2021-2023	4489-07/12/2020	8.000	8.000	5.700
-	XD Phòng học da chức năng trường Thị Không Lao					xã Lán Nhí Thang	2021-2022	4490-07/12/2020	2.400	2.369	1.196
-	Nhà lớp học MN+THI bản Hồng Thủ Män (ban tái định cư)					TT Phong Tho	2021-2022	4491-07/12/2020	5.000	4.947	4.947
-	XD Phòng học da chức năng trường THCS Thị Trần					xã Ma Li Pho	2021-2022	4495-07/12/2020	3.500	3.336	3.336
-	Trường mầm non Ma Li Pho					xã Bản Lang	2021-2023	4498-07/12/2020	9.000	8.230	5.930
-	Bổ sung cơ sở vật chất trường TH&THCS số 1 Bản Lang										
2	Các dự án khởi công mới năm 2022										
a	Các dự án đã được phê duyệt Báo cáo KTKT										
-	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTBT tiểu học Hoàng										
-	Then (giai đoạn 2)										

TT	Địa điểm và dung mục công trình, dự án	Thời gian KC-HT theo QĐ dầu tư	Số Quyết định phê duyệt (ngay tháng năm ban hành)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn giải đoạn 2021-2025 đã phê duyệt		Lũy kế bỏ trí vốn		Kế hoạch vốn năm 2023		Ghi chú			
						Trong đó				Trong đó					
				Tổng mệnh dầu tư	Tổng cần đổi ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất	Tổng số Nguồn thu sử dụng đất	Tổng số Nguồn cần đổi ngân sách	Tổng số Nguồn thu sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số Nguồn cần đổi ngân sách	Tổng số Nguồn thu sử dụng đất				
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
-	Nâng cấp, sửa chữa trường Mầm non xã Hoàng Thiên	xã Hoàng Thiên	2022- 2023	3594- 14/12/2021	3.000	3.000	2.650	350	1.150	800	350	850	850	-	
-	Bổ sung cơ sở vật chất trường TH Năm Xe	xã Năm Xe	2022- 2024	3.595- 14/12/2021	8.000	8.000	6.800	1.200	1.000	800	200	1.700	1.400	300	
b	Các dự án bổ sung năm 2022														
-	Bổ sung phòng học bộ môn và hàng mục phụ trợ trường tiểu học thị trấn Phong Thô, huyện Phong Thô	TT Phong Thô	2022	257- 03/03/2022	2.500	2.500	1.500	500	200	200	300	2.200	1.700	500	
-	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTBT tiểu học Huồi Luông (giai đoạn 1)	xã Huồi Luông	2022	261- 03/03/2022	1.000	1.000	500	500	300	300	-	1.600	1.300	300	
II	LĨNH VỰC VĂN HÓA THÔNG TIN														
1	Các dự án bổ sung năm 2022														
-	San gat + Kè mât bê tông Nhà văn hóa tổ dân phố Hòa Bình, thị trấn Phong Thô, huyện Phong Thô, tỉnh Lai Châu	Thị trấn Phong Thô	2022	260- 03/03/2022	950	950	950	450	450	200	200	-	750	300	450
III	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (LĨNH VỰC GIAO THÔNG)														
1	Dự án khởi công năm 2021														
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT liên bản Lang Vây 1 - bản Hoàng Trù Sào	xã Huồi Luông	2021- 2023	4492- 07/12/2020	8.500	8.102	5.902	2.200	4.812	4.312	500	3.290	1.590	1.700	
-	Đường giao thông nông thôn liên bản Huồi Luông 3 - Năm Le 2 (GD2)	xã Huồi Luông	2021- 2023	4493- 07/12/2020	6.000	5.710	4.210	1.500	3.550	3.050	500	2.160	1.160	1.000	
-	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT liên bản Chàng Hoàng 2 - bản Lú Giả	xã Huồi Luông	2021- 2023	4494- 07/12/2020	14.900	14.074	11.874	2.200	8.504	7.304	1.200	5.570	4.570	1.000	
2	Các dự án khởi công mới năm 2022														
-	Các dự án khởi công mới năm 2022														



TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn giải đoạn 2021-2025 đã phê duyệt			Lũy kế bỏ trốn vốn			Kế hoạch vốn năm 2023					
				Trong đó			Trong đó			Trong đó					
				Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Nguồn thu sử dụng đất	Tổng số	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu	Tổng số	Nguồn cản đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất			
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
-	Nâng cấp đường GTNT thị trấn Phong Thủ - trung tâm xã Huổi Luông (đoạn Thị trấn - Ngai Trò) huyện Phong Thủ	TT Phong Thủ, xã Huổi Luông	2021-2023	9.000	9.000	5.794	3.206	1.500	1.500	-	3.650	1.472	2.178		
-	Đường GTNT hẻm Sóng Giang xã Bản Lang - xã Nậm Xe	xã Bản Lang, xã Nậm Xe	2022-2024	7.000	7.000	5.000	2.000	1.000	1.000	-	1.300	900	400		
-	Nâng cấp đường GTNT TT xã - Ngai Trò - Hoang Liên Sơn II (giai đoạn 1)	xã Nậm Xe	2022-2024	13.500	13.500	10.500	3.000	1.512	1.512	-	3.987	2.200	1.787		
3	Bố trí kế hoạch vốn đối ứng cho các dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			18.000	-	3.000	-	-	-	-	1.000	1.000	-		
-	Nâng cấp đường GTNT trung tâm xã Huổi Luông đi ban Ngai Chô	xã Huổi Luông	2022-2024	18.000	-	3.000	-	-	-	-	1.000	1.000	-		
IV	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN			2.000	2.000	500	1.500	1.700	200	1.500	300	300	-		
1	Các dự án bổ sung năm 2022			2.000	2.000	500	1.500	1.700	200	1.500	300	300	-		
-	Nâng cấp, sửa chữa thắp truyền hình huyện Phong Thủ	TT Phong Thủ	2022	2.000	2.000	500	1.500	1.700	200	1.500	300	300	-		
V	CHI ĐẦU TƯ KHÁC			258-	2.000	500	3.500	2.500	1.500	1.000	2.700	900	1.800		
1	Các dự án khởi công mới năm 2022			9.000	9.000	5.500	3.500	2.500	1.500	1.000	2.700	900	1.800		
-	San gat mặt bằng rào quây đất đấu giá quyền sử dụng đất khu vực trung tâm xã Huổi Luông	xã Huổi Luông	2022-2023	3.598-	3.000	500	2.500	1.500	500	1.000	1.500	-	1.500		
-	Nâng cấp, sửa chữa cấp nước sinh hoạt xã Sông Lò Lầu	xã Sông Lò Lầu	2022-2023	3602-	6.000	5.000	1.000	1.000	1.000	1.000	900	900	300		



24

TT	Bản mục công trình, dự án đã được duyệt theo QĐ dầu tư	Thời gian KC-HT theo QĐ dầu tư	Số Quyết định phê duyệt (ngày tháng năm ban hành)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt		Lũy kế bỏ trôi vốn		Kế hoạch vốn năm 2023	
						Trong đó		Trong đó		Trong đó	
				Tổng số mức đầu tư	Tổng số cần đổi ngân sách	Nguyên thu sử dụng đất	Nguyên thu sử dụng đất	Tổng số cần đổi ngân sách	Tổng số sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số cần đổi ngân sách	Tổng số sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
VII	KINH PHÍ CHI ỦA PHẦN BỔ CHI TIẾT									1.200	900
											300



88



DỰ KIẾN PHẦN BỘ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2023

Thực hiện Nghị định số 100/NĐ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của HĐND huyện Phong Tho/
Lập kế hoạch chi tiết số 100/Q-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Phong Tho/

Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án huyện

ĐLT: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT theo QĐ phê duyệt	Quyết định phê duyệt		Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số QĐ đầu tư (Ngày tháng năm ban hành)	Tổng mức đầu tư			
A	Tổng cộng CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (LĨNH VỰC GIAO THÔNG)				118.251	118.125	126	9.441	45.806
Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2023									
I	Dự án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung	Xã Nậm Xe, Xã Sìn Suối Hồ	GTNT C, L = 32,5km	2022-2024	1891-12.8.2022	118.251	118.125	126	9.441
	- Đường giao thông vùng chè xã Nậm Xe, Sìn Suối Hồ, huyện Phong Thô	Xã Hoang Thìn	GTNT C, L = 3.0098km	2022-2024	1892-12.8.2022	115.151	115.025	126	9.073
	- Đường giao thông vùng chè xã Hoang Thìn, huyện Phong Thô	Xã Lán Nhì Tháng	GTNT C, L = 6km	2022-2024	1890-12.8.2022	76.401	76.275	126	9.073
	- Đường giao thông vùng chè xã Lán Nhì Tháng, huyện Phong Thô	Xã Bán Lang	Đam bao nước tưới cho 22ha	2022-2024	1762-04.8.2022	4.650	4.650	-	553
	- Đường giao thông vùng chè xã Lán Nhì Tháng, huyện Phong Thô	Xã Nậm Xe, Xã Bản Lang	GTNT C, L = 4.23185km	2022-2024	1893-12.8.2022	4.794	4.700	94	559
2	Dự án khởi công mới năm 2023	Xã: Đại Lang, Nậm Xe, Huổi Luông, Ma Li	14km	2023-2025	3161-30.11.2022	8.525	8.525	-	1.014
	- Đường giao thông vùng cây ăn quả huyện Phong Thô	Xã: Hoang Thìn, Huổi Luông, Ma Li Pho	11km	2023-2025	3162-30.11.2022	38.750	38.750	-	7.750
B	Dự án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Xã Không Lào, Huổi Luông, huyện Phong Tho	500ha mía	2023-2025	3162-30.11.2022	21.700	21.700	-	4.340
	- Đường giao thông vùng quê xã Không Lào (nhân dân đã trồng)	Xã Không Lào, Huổi Luông	Trục chính, GTNT C, L = 1km	2022-2024	1894-12.8.2022	17.050	17.050	-	3.410
	- Đường giao thông vùng quê xã Không Lào (nhân dân trồng mới)	Xã Không Lào, Huổi Luông	Trục chính, GTNT C, L = 1km	2022-2024	1895-12.8.2022	3.100	3.100	-	368
	- Đường giao thông vùng quê xã Không Lào, Huổi Luông, huyện Phong Tho (nhân dân đã trồng)	Xã Không Lào, Huổi Luông	Trục chính, GTNT C, L = 1km	2022-2024	1894-12.8.2022	1.550	1.550	-	1.486
	- Đường giao thông vùng quê xã Không Lào (nhân dân trồng mới)	Xã Không Lào, Huổi Luông	Trục chính, GTNT C, L = 1km	2022-2024	1895-12.8.2022	1.550	1.550	-	184
	- Đường giao thông vùng quê xã Không Lào (nhân dân trồng mới)	Xã Không Lào, Huổi Luông	Trục chính, GTNT C, L = 1km	2022-2024	1894-12.8.2022	1.550	1.550	-	743

DƯ KIẾN PHÂN BỐ KÝ HOẠCH VỐN DẦU TƯ NGUỒN NSTW THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MTQG NĂM 2023
(Ký ngày/ tháng/ năm số 100/Q-HĐND) ngày 20 tháng 12 năm 2022 của HĐND huyện Phong Thô)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD Thời gian KG/HT	Thứ vị nhan huy động	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Năm 2022		Kế hoạch năm 2023				Chủ đầu tư	Ghi chú		
					TMDT				Kế hoạch		Kế hoạch năm 2023							
					Tổng số	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP	Tổng số	Trong đó					
						NSTW	NSDP	Nguồn vốn huy động					NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15			16	
	TỔNG SỐ				348.003	344.889	3.000	114	123.270	123.270		118.985	117.985	1.000				
A	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI				5.768	5.706	-	62	804	804		3.244	3.244	-				
1	Các hoạt động kinh tế (linh vực giao thông)				5.768	5.706	-	62	804	804		2.063	2.063	-				
a	Dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2022				1.516	1.504	-	12	804	804		700	700	-				
	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông ban Ta phin-Nà Ma Li Pho	ban Ta phin-Nà Ma Li Pho	2022-2023	206-18/8/2022	1.516	1.504	-	12	804	804		700	700	-	UBND xã Ma Li Pho			
b	Dự án khởi công mới năm 2023				4.252	4.202	-	50	-	-		1.363	1.363	-				
	Nâng cấp, sửa chữa đường nội ban Nậm Khay	ban Nậm Khay-xã Không Lào	2023-2025	133-12/12/2022	651	620	-	31	-	-		591	591	-	UBND xã Không Lào			
	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nông thôn La Văn - U Gia	xã Huổi Luông	2023-2025	214-24/11/2022	2.066	2.066	-	-	-	-		661	661	-	UBND xã Huổi Luông			
	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nội ban Thìn Xin	ban Thìn Xin-Xã Ma Li Pho	2023-2025	269-16/12/2022	1.535	1.516	-	19	-	-		111	111	-	UBND xã Ma Li Pho			
2	Kinh phí chưa phân bổ chi tiết				-	-	-	-	-	-		1.181	1.181	-				
B	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG				173.873	170.873	3.000	-	71.570	71.570		46.500	45.500	1.000	Ban QLDA			
	Tiêu dự án 1 - Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo				173.873	170.873	3.000	-	71.570	71.570		46.500	45.500	1.000				
1	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo				173.873	170.873	3.000	-	71.570	71.570		46.500	45.500	1.000				
1	Các hoạt động kinh tế (linh vực giao thông)				126.953	123.953	3.000	-	44.480	44.480		31.170	30.170	1.000				
a	Dự án chuyên tiếp hoàn thành sau năm 2023				126.953	123.953	3.000	-	44.480	44.480		31.170	30.170	1.000				
	Đường GTNT liên ban Thìn Sin - ban Ma Ly Pho	xã Ma Ly Pho	2022-2024	1756-04.8.2022	8.100	8.100	-	-	4.050	4.050		2.050	2.050	-				
	Nâng cấp đường GTNT trung tâm xã Huổi Luông di ban Ngái Chồ	xã Huổi Luông	2022-2024	1715-02.8.2022	18.000	15.000	3.000	-	6.600	6.600		5.400	4.400	1.000				
	Nâng cấp đường GTNT ban Hồ thầu 1 - ban Huổi Luông 2	xã Huổi Luông	2022-2024	1717-02.8.2022	13.100	13.100	-	-	6.550	6.550		3.550	3.550	-				
	Dường ra khu sản xuất hàng hóa tập trung thôn Nậm Papy	Thị trấn Phong Thô	2022-2024	1718-02.8.2022	12.000	12.000	-	-	6.000	6.000		3.000	3.000	-				
	Đường GTNT liên ban Sơn Bình - ban Ma Ly Pho	xã Ma Ly Pho	2022-2024	1757-04.8.2022	8.900	8.900	-	-	4.450	4.450		2.250	2.250	-				

D2

TT	Danh mục dự án	Hộ chiếu số Hàng năm	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Năm 2022		Kế hoạch năm 2023				Chủ đầu tư	Ghi chú		
				Tổng số	TMDT			Kế hoạch		Tổng số	Trong đó						
					NSTW	NSDP	Nguồn vốn huy động	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
	Nâng cấp đường GTNT ban Sản Bay (từ Đồn Biên phòng - ban Si Cha Chai - ban Cản Hồ - Km14 (đường Nậm Xe - Sìn Suối Hồ), xã Sìn Suối Hồ	xã Nậm Xe và xã Sìn Suối Hồ	2022- 03/10/2022	2512- 27.353	27.353			7.000	7.000		5.920	5.920					
	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT từ ban Si Phai xã Dào San đến trung tâm xã Vàng Ma Chai	xã Dào San và xã Vàng Ma Chai	2022- 03/10/2022	2510- 39.500	39.500			9.830	9.830		9.000	9.000					
2	Chi đầu tư khác				16.910	16.910	-	-	12.700	12.700		4.210	4.210				
a	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>				16.910	16.910	-	-	12.700	12.700		4.210	4.210				
	Sửa chữa, nâng cấp NSH ban Ta Phin	xã Ma Lì Pho	2022- 02/8/2022	1720- 2.150	2.150	2.150		2.000	2.000		150	150					
	Xây dựng bến thuyền thị trấn Phong Thỏ	Thị trấn Phong Thỏ	2022- 02/8/2022	1722- 3.000	3.000	3.000		1.300	1.300		1.700	1.700					
	Sửa chữa, nâng cấp NSH ban Huổi Phặc	xã Không Lao	2022- 29/7/2022	1697- 1.250	1.250	1.250		850	850		400	400					
	Sửa chữa, nâng cấp NSH ban Đớ	xã Không Lao	2022- 29/7/2022	1695- 1.200	1.200	1.200		800	800		400	400					
	Sửa chữa, nâng cấp NSH ban Co Muồng	xã Không Lao	2022- 29/7/2022	1694- 1.640	1.640	1.640		900	900		740	740					
	Sửa chữa, nâng cấp NSH ban Hùng Pêng	xã Ma Lì Pho	2022- 03/8/2022	1734- 870	870	870		850	850		20	20					
	Cấp NSH trung tâm xã Huổi Luông	xã Huổi Luông	2022- 02/8/2022	1719- 4.450	4.450	4.450		3.900	3.900		550	550					
	Cấp NSH ban Hoang Trú Sao	xã Huổi Luông	2022- 02/8/2022	1721- 2.350	2.350	2.350		2.100	2.100		250	250					
3	Lĩnh vực văn hóa thông tin				3.000	3.000	-	-	1.200	1.200		1.800	1.800				
	Xây dựng nhà văn hóa ban Vàng Pheo xã Mường So	xã Mường So	2022- 03/8/2022	1733- 3.000	3.000	3.000		1.200	1.200		1.800	1.800					
4	Lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề				27.010	27.010	-	-	13.190	13.190		5.820	5.820				
a	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>				27.010	27.010	-	-	13.190	13.190		5.820	5.820				
	Bổ sung cơ sở vật chất Trường THCS Không Lao	xã Không Lao	2022- 29/7/2022	1701- 6.400	6.400	6.400		3.200	3.200		1.200	1.200					
	Bổ sung cơ sở vật chất Trường TH Không Lao (giai đoạn 2)	xã Không Lao	2022- 29/7/2022	1702- 7.650	7.650	7.650		3.600	3.600		2.050	2.050					
	Bổ sung cơ sở vật chất Trường mầm non Huổi Luông	xã Huổi Luông	2022- 02/8/2022	1713- 4.960	4.960	4.960		2.700	2.700		1.260	1.260					
	Bổ sung cơ sở vật chất Trường THCS Mường So	xã Mường So	2022- 29/7/2022	1700- 8.000	8.000	8.000		3.690	3.690		1.310	1.310					
5	Kinh phí chưa phân bổ chi tiết													3.500	3.500		
C	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIỆU SỐ VÀ MIỀN NÚI				168.362	168.310	-	52	50.896	50.896		69.241	69.241				
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt				8.596	8.596	-	-	5.782	5.782		6.546	6.546				
1	Nội dung 6: Hỗ trợ Nước sinh hoạt tập trung				8.596	8.596	-	-	5.782	5.782		2.814	2.814				
a	Chi đầu tư khác				8.596	8.596	-	-	5.782	5.782		2.814	2.814				
a	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>				8.596	8.596	-	-	5.782	5.782		2.814	2.814				
	Sửa chữa NSH ban Nà Dong, xã Ban Lang	Xã Ban Lang	2022- 02/8/2022	1730- 2.200	2.200	2.200		1.600	1.600		600	600					
	Sửa chữa NSH ban Nậm Xe ban Pá Chai ban Van Hồ 2, xã Nậm Xe	Xã Nậm Xe	2022- 02/8/2022	1731- 4.726	4.726	4.726		2.582	2.582		2.144	2.144					

81

TT	Danh mục dự án	Địa điểm Xây dựng	Thời gian HT HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Năm 2022		Kế hoạch năm 2023				Chủ đầu tư	Ghi chú	
					TMDT				Kế hoạch		Trong do						
					Tổng số	Trong đó:	Nguồn vốn huy động	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	Tổng số		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
-	Sửa chữa NSH ban Mô Si Cầu, Xã Hoang Thôn	Xã Hoang Thôn	2022-02/8/2022	1729-02/8/2022	1.670	1.670		1.600	1.600		70	70					
2	Kinh phí chưa phân bổ chi tiết				51.363	51.363	-	7.624	7.624		3.732	3.732					
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết				24.863	24.863	-	7.624	7.624		10.438	10.438				Ban QLDA	
1	Chi đầu tư khác				24.863	24.863	-	7.624	7.624		10.438	10.438					
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023										7.239	7.239					
-	Bố trí sắp xếp ổn định dân cư tập trung vùng thiên tai ban Căn Cứ - xã Sin Suối Hồ	Xã Sin Suối Hồ	2022-03/8/2022	1735-03/8/2022	24.863	24.863		7.624	7.624		7.239	7.239					
2	Kinh phí chưa phân bổ chi tiết												3.199	3.199			
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (phân bổ chi tiết sau)												1.619	1.619		Ban QLDA	
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				96.756	96.756	-	34.669	34.669		46.474	46.474				Ban QLDA	
1	Các hoạt động kinh tế (linh vực giao thông)				73.736	73.736	-	25.889	25.889		25.597	25.597					
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023				73.736	73.736	-	25.889	25.889		25.597	25.597					
-	Nâng cấp, cải tạo các công trình đường GTNT: Hợp L - Sí Phai và đường Đến Thang B - Sênh Sang B, xã Dảo San	Xã Dảo San	2022-3/8/2022	1736-3/8/2022	7.080	7.080		2.850	2.850		2.230	2.230					
-	Nâng cấp, cải tạo các công trình đường GTNT: Từ bản Pâ Chài đến Hoàng Liên Sơn 1 và đường từ bản Van Hồ 2 đến bản Năm Xe, xã Năm Xe	Xã Năm Xe	2022-3/8/2022	1738-3/8/2022	14.356	14.356		5.000	5.000		3.356	3.356					
-	Củng hóa đường giao thông đến trung tâm xã từ bản Lùng Than đến Trung tâm xã Mú Sang	Xã Mú Sang	2022-4/8/2022	1748-4/8/2022	14.400	14.400		5.100	5.100		5.050	5.050					
-	Củng hóa đường giao thông đến trung tâm xã từ bản Sáng Sang 2 đến Trung tâm xã Mú Sang	Xã Mú Sang	2022-4/8/2022	1749-4/8/2022	11.200	11.200		4.589	4.589		4.611	4.611					
-	Nâng cấp, cải tạo các công trình đường GTNT: Tỉnh lộ 132 đến ban Tả Lèng Sung và đường từ ban Bản Lang 2 - khu sản xuất Vàng Y Chi - ban Sáng Giang, xã Bản Lang	Xã Ban Lang	2022-3/8/2022	1737-3/8/2022	11.000	11.000		2.550	2.550		4.450	4.450					
-	Nâng cấp, cải tạo các công trình đường GTNT: Bản Can Hồ, xã Sin Suối Hồ và đường đi ban Sênh Xiên Pho (nhóm 2), xã Lán Nhì Thảng	Xã Sin Suối Hồ và xã Lan Nhì Thảng	2022-04/8/2022	1743-04/8/2022	7.000	7.000		2.500	2.500		2.500	2.500					
-	Nâng cấp đường GTNT Ma Ly Pho - Hùng Peng	Xã Ma Ly Pho	2022-4/8/2022	1744-4/8/2022	8.700	8.700		3.300	3.300		3.400	3.400					
2	Chi đầu tư khác				23.020	23.020	-	8.780	8.780		9.240	9.240					
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023				23.020	23.020	-	8.780	8.780		9.240	9.240					
-	Ké bao vệ cảnh đồng Cang Tung ban Nậm Cáy	Xã Hoang Thôn	2022-4/8/2022	1747-4/8/2022	3.600	3.600		1.200	1.200		1.400	1.400					
-	Sửa chữa NSH ban Xin Chai	Xã Pa Vay Su	2022-29/7/2022	1696-29/7/2022	950	950		530	530		420	420					
-	Chợ Vang Ma Chai	Xã Vang Ma Chai	2022-29/7/2022	1698-29/7/2022	920	920		350	350		570	570					
-	Chợ Dảo San	Xã Dảo San	2022-29/7/2022	1760-29/7/2022	1.000	1.000		350	350		650	650					
-	Sửa chữa, nâng cấp cụm công trình thủy lợi xã Năm Xe	Xã Năm Xe	2022-4/8/2022	1745-4/8/2022	11.450	11.450		4.350	4.350		4.100	4.100					
-	Sửa chữa, nâng cấp cụm công trình thủy lợi xã Hoang Thôn	Xã Hoang Thôn	2022-4/8/2022	1746-4/8/2022	5.100	5.100		2.000	2.000		2.100	2.100					
3	Kinh phí chưa phân bổ chi tiết												11.637	11.637			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Năm 2022		Kế hoạch				Kế hoạch năm 2023		Chủ đầu tư	Ghi chú	
					TMDT				Trong do		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong do		Tổng số	Trong do				
					Tổng số	NSTW	NSDP	Nguồn vốn huy động	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16				
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực				9.885	9.885	-	-	2.578	2.578	3.456	3.456	-	-	Ban QLDA				
1	Tiêu dự án 1: Đổi mới hoạt động, cung cấp phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường PTDT có học sinh ở ban trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số				9.885	9.885	-	-	2.578	2.578	3.456	3.456	-	-					
1	Lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề				9.885	9.885	-	-	2.578	2.578	2.956	2.956	-	-					
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023				9.885	9.885	-	-	2.578	2.578	2.956	2.956	-	-					
-	Trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Vàng Ma Chai	Xã Vàng Ma Chai	2022-2024	1750-04.08.2022	2.909	2.909	-	-	730	730	628	628	-	-					
-	Trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Mú Sang	Xã Mú Sang	2022-2024	1699-29.07.2022	2.620	2.620	-	-	730	730	890	890	-	-					
-	Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH & THCS Số 2 Ban Lang	Xã Ban Lang	2022-2024	1752-04.08.2022	3.124	3.124	-	-	818	818	506	506	-	-					
-	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Sin Suối Hồ	Xã Sin Suối Hồ	2022-2024	1751-04.08.2022	1.232	1.232	-	-	300	300	932	932	-	-					
2	Kinh phí chưa phân bổ chi tiết											500	500	-	-				
VII	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch				1.762	1.710	-	52	243	243	708	708	-	-					
1	Lĩnh vực văn hóa thông tin				1.762	1.710	-	52	243	243	708	708	-	-					
a	Dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2022				287	285	-	2	243	243	42	42	-	-					
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn (Nhà văn hóa ban Nậm Xe và xã Hoang Thìn)	ban Nậm Xe và xã Hoang Thìn	2022-2022	85-14/8/2022	287	285	-	2	243	243	42	42	-	-	UBND xã Hoang Thìn				
b	Dự án khởi công mới năm 2023				1.475	1.425	-	50	-	-	666	666	-	-					
	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn (gồm 5 nhà văn hóa thôn ban tại các xã Sí Lo Lầu, Vàng Ma Chai; Nậm Xe, Sin Suối Hồ, Lan Nhì Thang)	các xã	2023-2025		1.475	1.425	-	50			666	666	-	-					
	Nhà văn hóa ban Sàng Mả Pho	UBND xã Sin Suối Hồ	2023-2025	58-14/12/2022	335	285	-	50			222	222	-	-	UBND xã Sin Suối Hồ				
	Xây mới nhà văn hóa ban Van Hồ I	UBND xã Nậm Xe	2023-2025	215-12/12/2022	300	285	-	15			222	222	-	-	UBND xã Nậm Xe				
	Nhà văn hóa ban Lan Nhì Thang	UBND xã Lan Nhì Thang	2023-2025	776-25/11/2022	335	285	-	50			222	222	-	-	UBND xã Lan Nhì Thang				

87